

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 78/2023/HS-PT
Ngày: 31-10-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo **Đặng Minh N** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2023/HS-ST ngày 22-8-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Minh N (M, Mộng S), sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số E, Khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng Văn Đ**, sinh năm 1959 và bà **Nguyễn Ái M**, sinh năm 1960; chưa có vợ, con; tiền án: có 02 tiền án. Tại Bản án số: 08/2012/HS-ST ngày 10/02/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 07 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/11/2017). Tại Bản án số: 71/2019/HS-PT ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2022); tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án số: 56/2007/HSPT ngày 11/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về “Tội trộm cắp tài sản”; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 02/3/2023, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh B** kết hợp với lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma

túy Công an thành phố B tuần tra trên tuyến đường Đại lộ D. Khi đến khu vực trước nhà Số A, Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì phát hiện Đặng Minh N đang điều khiển xe đạp điện có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu N dừng xe để kiểm tra thì N tự khai nhận đang có cất giấu ma túy trong người. Lực lượng Công an tiến hành kiểm tra thì phát hiện ở thắt lưng quần bên hông phải của N có 01 túi nylon bên trong có 01 gói giấy chứa 02 túi nylon màu trắng, hàn kín 4 phía, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với N và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) túi nylon bên trong có 01 gói giấy chứa 02 túi nylon màu trắng, hàn kín 4 phía, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6 + số seri K58K556EQ9K màu xanh đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số 0789596660 (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu ĐT1);

- Tiền Việt Nam: 5.000.000 đồng (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1);

Các phong bì ký hiệu M1, ĐT1 và T1 được niêm phong có các chữ ký ghi tên: Đặng Minh N, Lữ Văn T, Phạm Thị H, Trần Duy L, Trần Duy C, Nguyễn Hoàng A và hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường P, thành phố B;

- 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu JVCeco màu đen.

- Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Minh N tại nhà Số E, Khu phố A, Phường P, thành phố B, lực lượng Công an tiếp tục thu giữ: 01 (một) bình nhựa màu vàng có chữ Number1, có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có gắn 01 đoạn ống nhựa màu trắng và 01 nõ thủy tinh.

Qua làm việc Đặng Minh N khai nhận: 02 túi nylon màu trắng, hàn kín 4 phía mà lực lượng Công an thu giữ là ma túy của N cất giấu để sử dụng. Nhặt có được là do vào khoảng 14 giờ ngày 02/3/2023, đối tượng tên T1 (không rõ họ, địa chỉ) đến nhà N chơi và N đã mua của T1 02 gói ma túy với giá 400.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, đối tượng tên M1 (không rõ họ, địa chỉ) điện thoại rủ N đến khu vực vòng xoay T để cùng sử dụng ma túy thì N đồng ý nên lấy 02 túi ma túy đã mua của T1 để vào 01 tờ giấy gói lại, bỏ vào túi nylon màu trắng và giấu vào thắt lưng quần phía bên phải rồi điều khiển xe đạp điện đến điểm hẹn gặp M1, nhưng khi vừa đi đến khu vực phía trước nhà Số A, Khu phố B, phường P, thành phố B thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện thu giữ như trên.

Theo Bản kết luận giám định số: 149/2023/KL-KTHS ngày 07/3/2023 của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine, khối lượng 0,2985 gam.

Quá trình điều tra, Đặng Minh N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, lời khai người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Đặng Minh N** phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Đặng Minh N** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 31/8/2023, bị cáo **Đặng Minh N** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Đặng Minh N** phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Đặng Minh N** 05 năm 06 tháng tù là tương xứng; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đặng Minh N** 05 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Vào khoảng 17 giờ 45 phút ngày 02/3/2023, trên **đường Đ**, tại khu vực

phía trước nhà **Số A, Khu phố B, phường P, thành phố B, Đặng Minh N** đã có hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,2985 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù đã bị kết án về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,2985 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nhân thân và khối lượng chất ma túy mà bị cáo đã tàng trữ trái phép, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Đặng Minh N** phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo đã tàng trữ trái phép khối lượng 0,2985 gam ma túy, loại Methamphetamine, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn. Qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân, thấy rằng vào năm 2007 bị cáo đã từng bị kết án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về “*Tội trộm cắp tài sản*”; năm 2012 bị kết án 07 năm tù về “*Tội mua bán trái phép chất ma túy*”; đến năm 2019 bị kết án 02 năm 06 tháng tù về “*Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*”, bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm “*Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*” nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt, xem thường pháp luật, khó cải tạo; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù là tương xứng; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới nhưng theo đơn kháng cáo bị cáo cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn, là trụ cột trong gia đình phải nuôi cha mẹ già không còn khả năng lao động đề yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đặng Minh N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 70/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Minh N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Đặng Minh N phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường P, thành phố B(1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông